

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 107/2023/DS-ST

Ngày 11 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui và  
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; nơi thường trú: 7 đường số A, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: tổ D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Anh Dương Đức K, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2023) (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Đặng Thị Bích T, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Đức K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, từ năm 2018 bà T có vay tiền nhiều lần của bà L và có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ thảo nhiều dây hụi. Đến ngày 21/5/2018, bà T tự viết giấy và ký tên vào giấy xác nhận còn nợ bà L số tiền là 230.000.000 đồng, trả dần trong thời hạn 05 năm, ba tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau khi chốt nợ, bà T có trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 220.000.000 đồng bà T chưa trả. Hết thời hạn 05 năm, bà L có nhiều lần đến nhà bà T đòi nợ nhưng bà T không trả nợ.

Ngày 11/7/2023, bà L khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh K thừa nhận bà T có trả cho bà L số tiền gốc là 10.000.000 đồng nên rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà L chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị Bích T trình bày:

Bà có chơi hụi do bà L làm chủ thảo nhiều dây hụi và có mượn tiền của bà L, đến ngày 21/5/2018, bà và bà L tính tiền nợ hụi và nợ vay lại với nhau, bà có tự viết và ký tên vào giấy xác nhận còn nợ bà L số tiền là 230.000.000 đồng, trả dần trong thời hạn 05 năm, ba tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hụi đã kết thúc nên mới ký xác nhận nợ. Từ ngày 21/5/2018 đến nay, bà có trả cho bà L được 05 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng bà trả cho bà L được 10.000.000 đồng. Nay bà xác định còn nợ bà L số tiền là 220.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ là 220.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần số tiền nợ, ba tháng trả cho bà L 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà là người cao tuổi nhưng do bà L khởi kiện bà nên bà không làm đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà T về yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T trả cho bà L số tiền gốc là 220.000.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi; về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh K rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà anh K đã rút.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hui và nợ vay là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đây là tranh chấp về hợp đồng góp hui và vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 21/5/2018 (bút lục 18) và lời trình bày của anh K, bà T thấy rằng: bà T có vay tiền, chơi hui của bà L, đến ngày 21/5/2018, bà T có viết giấy nợ bà L số tiền là 230.000.000 đồng, hẹn trả dần trong thời hạn 05 năm, ba tháng trả 2.000.000 đồng. Bà L xác nhận hui đã kết thúc nên mới ký xác nhận nợ. Do đó, đây là hợp đồng góp hui và vay tài sản, có kỳ hạn, không có lãi. Các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đến hạn trả nợ, bà T không trả nên bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh K và bà T thống nhất bà T đã trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, bà T còn nợ bà L số tiền 220.000.000 đồng, thống nhất việc bà

L không yêu cầu tính lãi. Do đó, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

[4] Về yêu cầu trả dần của bị đơn: Bà T yêu cầu được trả dần, ba tháng trả cho bà L 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bà T không được anh K chấp nhận và không phù hợp Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biên, phường nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dần của bà T.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được giải thích bị đơn là người cao tuổi, phải làm đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí mới được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng bị đơn không đồng ý làm đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là  $220.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.000.000 \text{ đồng}$ , nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 219, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Đặng Thị Bích T về yêu cầu bà Đặng Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Đặng Thị Bích T.

Buộc bà Đặng Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

### 3. Về án phí:

Bà Đặng Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018886 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Thanh Hằng**